

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-PT
Ngày: 17-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản, hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Minh Tuấn;

2. Ông Lưu Văn Uẩn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đan Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 220/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 265/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐ-PT ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đào Văn D, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Văn T, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Số 171, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền chứng thực số 065 ngày 25/4/2020 tại Văn phòng Công chứng Cai Lậy, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang)

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 219, ấp H, xã A, thành phố T, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ô Tân C, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Huỳnh Thị Hồng L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đào Văn D do ông Trần Văn T đại diện trình bày:

Vào năm 2015 - 2016, ông D có bán vật tư nông nghiệp cho bà L và cho bà L mượn một số tiền. Ông D không biết cụ thể số tiền nợ vật tư là bao nhiêu và số tiền cho mượn là bao nhiêu. Đến 30/9/2016, hai bên có viết biên nhận để tổng kết số nợ là 431.370.000đ. Khi tổng kết số nợ, ông D cho bà L nợ lại 01 tháng, lãi suất 03%/tháng.

Sau khi viết biên nhận ngày 30/9/2016 AL, ông D nhiều lần đến nhà bà L đòi tiền nhưng bà L không thanh toán. Ông D yêu cầu bà L hoàn trả vốn là 431.370.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Bà Huỳnh Thị Hồng L trình bày:

Bà L có mua vật tư nông nghiệp của ông D và bà C cụ thể là: Ngày 03/9/2015 nợ 1.600.000đ; ngày 12/9/2015 nợ 300.000đ; ngày 17/10/2015 nợ 428.000đ; ngày 24/10/2015 nợ 80.000đ; ngày 27/10/2015 nợ 800.000đ; ngày 05/11/2015 nợ 429.000đ; ngày 10/01/2016 nợ 1.675.000đ; ngày 19/01/2016 nợ 160.000đ; ngày 06/02/2016 nợ 440.000đ; ngày 12/3/2016 nợ 1.290.000đ. Tổng cộng nợ tiền mua vật tư nông nghiệp là 5.527.000đ.

Bà L có vay tiền của bà C cụ thể là: Ngày 10/9/2015 vay 25.000.000đ, lãi suất 3%; ngày 20/12/2015 vay 10.000.000đ, lãi suất 3%; ngày 24/02/2016 vay 20.000.000đ, lãi suất 3%; ngày 02/3/2016 vay 50.000.000đ, lãi suất 3%; ngày 27/3/2016 vay 60.000.000đ, lãi suất 3%. Tổng cộng nợ vay 165.000.000đ, không thỏa thuận thời gian hoàn vốn.

Như vậy, bà L có nợ ông D và bà C tổng số tiền là 170.527.000đ. Các lần mua phân thuốc nợ và mượn tiền, bà C là người trực tiếp viết vào sổ của bà. Ngày 30/9/2016AL, ông D yêu cầu bà viết lại biên nhận để tổng kết số nợ và đọc cho bà ghi số nợ là 431.370.000đ. Lúc này, bà không đồng ý số nợ trên nhưng ông D buộc bà phải ghi mới bán phân và thuốc bảo vệ thực vật cho bà. Bà xác định số nợ này không đúng với thực tế, ông D và bà C đã cộng lãi vào đây, thỏa thuận lãi suất 3% của tháng đầu tiên, những tháng sau không tính lãi nữa, không thỏa thuận thời gian hoàn vốn mà chỉ thỏa thuận khi nào bán thanh long có giá mới trả.

Sau khi viết biên nhận này, mỗi lần bán thanh long bà đều trả dần cho ông D và bà C. Tổng cộng bà đã trả cho ông D và bà C số tiền là 192.000.000đ theo sổ con bà L tự ghi chép lại, trả trực tiếp cho ông D và bà C nhận. Bà L xác định hiện nay bà không còn nợ tiền vốn ông D và bà C nữa.

Bà L thừa nhận sau khi viết Biên nhận ngày 30/9/2016AL, ông D và bà C nhiều lần đến nhà yêu cầu bà thanh toán số tiền trên. Bà có thanh toán cho ông D và bà C nhiều lần với tổng số tiền là 192.000.000đ. Bà xác định số tiền 192.000.000đ bà trả cho ông D và bà C là trả sau khi viết biên nhận, trả trực tiếp cho ông D và bà C. Tuy nhiên, bà không có yêu cầu họ ký nhận mà chỉ tự viết vào sổ của bà để theo dõi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ô Tân C có Văn bản trình bày ý kiến ghi ngày 06/5/2021 và ngày 12/5/2021 như sau:

Việc mua bán giữa chồng bà C là ông Đào Văn D với bà Huỳnh Thị Hồng L có làm biên nhận giữa ông D với bà L, riêng bản thân bà C từ trước đến nay không có cộng sổ để đối chiếu với bà L lần nào. Cũng như tờ giấy bà L cung cấp cho Tòa án không có ngày tháng năm và nội dung với ai; hai tờ giấy bà L cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà C tính tiền với khách hàng nhiều năm về trước; không có tính nội dung này với bà L vì bà L và ông D giao dịch với nhau nên bà C không có tham gia và cũng không nhớ nội dung tờ giấy tính tiền cho khách hàng nào nên đề nghị Tòa án xem xét.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An đã căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 428, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn D, buộc bà Huỳnh Thị Hồng L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đào Văn D và bà Ô Tân C số tiền 431.370.000đ.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Hồng L phải nộp 21.255.000đ.

Hoàn cho ông Đào Văn D số tiền 10.327.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004825 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 01/7/2021, bà Huỳnh Thị Hồng L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu cấp phúc thẩm căn trừ số tiền bà L đã trả cho ông D và bà C là 192.950.000 đồng vào số tiền nợ ông D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án và không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới; nhưng bà L nộp Đơn xin miễn giảm tiền án phí có xác nhận của UBND xã An Vĩnh Ngãi ngày 15/02/2022.

Bà L kháng cáo cho rằng Biên nhận ngày 30/9/2016 do bà viết theo yêu cầu xác nhận nợ của ông D, trong đó số tiền 431.370.000 đồng đã bao gồm nợ gốc, nợ lãi của các khoản vay và tiền nợ phân bón, thuốc bảo vệ thực vật mà bà L còn nợ vợ chồng ông D và bà C từ năm 2014 đến năm 2016 nên bà L thừa nhận còn nợ ông D và bà C số tiền tổng cộng là 431.370.000 đồng nhưng từ tháng 04/2017 đến tháng 10/2019 bà L đã trả cho ông D và bà C được 08 lần tiền tổng cộng là 192.950.000 đồng; trả trực tiếp cho ông D, bà C nhận nhưng không có yêu cầu ông D, bà C viết biên nhận hay ký nhận mà bà L tự ghi vào sổ con do bà giữ để nhớ nên bà L chỉ đồng ý trả tiếp cho ông D và bà C số tiền nợ còn lại là 238.420.000 đồng, nhưng đề nghị được trả dần trong thời hạn 5 năm cho đến khi hết nợ.

Ông Tám đại diện cho ông D không thừa nhận có nhận số tiền trả nợ tổng cộng là 192.950.000 đồng do bà L trả, nhưng ông D đồng ý cho bà L trả dần số tiền nợ 431.370.000 đồng trong thời gian 02 năm, cụ thể là: Cuối tháng 12/2022 trả số tiền 200.000.000 đồng và cuối tháng 12/2023 trả hết số tiền còn lại nhưng bà L phải trả lãi 10%/năm/số tiền nợ gốc đến khi trả xong nợ. Bà L thống nhất, đồng ý về phương thức và thời gian trả nợ như ông Tám trình bày.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

Về yêu cầu kháng cáo của đương sự:

Bà L thừa nhận có nợ ông D và bà C số tiền 431.370.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 30/9/2016 và cho rằng đã trả được 08 lần tổng cộng là 192.950.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh và ông D, bà C cũng không thừa nhận nên kháng cáo không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tám và bà L đã thống nhất thỏa thuận được về thời gian và phương thức trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của đương sự. Bà L có đơn xin miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia

đình đang gặp khó khăn, có xác nhận của Chính quyền địa phương nên đề nghị Tòa án xét miễn giảm án phí cho đương sự.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà L, nhưng sửa một phần bản án sơ thẩm về phương thức, thời gian trả nợ và nghĩa vụ chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng L làm đúng thủ tục và nộp trong thời hạn theo quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên vụ án được xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Đào Văn D yêu cầu bà Huỳnh Thị Hồng L trả tiền nợ vay và nợ tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nên Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà Ô Tân C vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét kháng cáo thấy rằng: Bà L thừa nhận từ tháng 7/2014 đến tháng 9/2016 có mua phân bón, thuốc trừ sâu và có vay tiền của vợ chồng ông Đào Văn D và bà Ô Tân C tổng cộng là 431.370.000 đồng theo Biên nhận ngày 30/9/2016, nhưng bà L cho rằng từ tháng 04/2017 đến tháng 10/2019 đã trả cho ông D, bà C được 08 lần tiền tổng cộng là 192.950.000 đồng, nhưng không có chứng cứ chứng minh và ông D, bà C cũng không thừa nhận có nhận số tiền trả nợ của bà L tổng cộng là 192.950.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L trả toàn bộ số tiền nợ cho ông D là có căn cứ.

[5] Bà L đề nghị được trả nợ dần do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn. Ông D đồng ý cho bà L trả nợ dần chia làm 02 đợt, cụ thể: Cuối tháng 12/2022 trả 200.000.000 đồng và cuối tháng 12/2023 trả số tiền còn lại, nhưng bà L phải trả lãi 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa trả; bà L đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận về phương thức và thời gian trả nợ của các đương sự.

[6] Từ phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà L; đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Bà L phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng bà L có đơn đề nghị miễn giảm án phí do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn và có xác nhận của Chính quyền địa phương nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận giảm $\frac{1}{2}$ tiền án phí cho bà L là phù hợp.

[7] Những nội dung khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Hồng L.

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 428, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đào Văn D đối với bà Huỳnh Thị Hồng L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán.

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Đào Văn D và bà Ô Tân C số tiền 431.370.000 đồng.

Bà Huỳnh Thị Hồng L có nghĩa vụ trả số tiền 431.370.000 đồng làm 02 đợt; cụ thể: Ngày 30 tháng 12 năm 2022 trả 200.000.000 đồng; ngày 30 tháng 12 năm 2023 trả hết số tiền nợ gốc còn lại là 231.370.000 đồng và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm trên số tiền nợ gốc chưa trả tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2022 cho đến ngày 30 tháng 12 năm 2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc bà Huỳnh Thị Hồng L phải nộp 10.627.500 đồng.

Hoàn cho ông Đào Văn D tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 10.627.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004825 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An.

3. Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Hồng L phải chịu 150.000 đồng. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0005436 ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí phúc thẩm. Bà L được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm còn thừa.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thành phố Tân An;
- Chi cục THADS thành phố Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn/ĐanThanh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương